TIỂU LUẬN MÔN HỌC

PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

Họ tên sinh viên *:*

MSSV

Lớp học :

Đề tài *:Trình bày và so sánh các kiểu pháp luật tong lịch sử.Từ đó rút ra ưu nhược điểm*

1.. Kiểu lịch sử của pháp luật .

1.1 Khái niệm kiểu lịch sử của pháp luật

Tương ứng với bốn kiểu nhà nước này là bốn kiểu pháp luật đã và đang tồn tại: kiểu pháp luật chủ nô, phong kiến, tư sản và xã hội chủ nghĩa.Kiểu hình thái kinh tế - xã hội, kiểu phương thức sản xuất (các đặc điểm, bản chất của chế độ kinh tế - xã hội) quyết định kiểu nhà nước và pháp luật, tức là quyết định những dấu hiệu,đặc điểm thể hiện bản chất của nhà nước và pháp luật.Vì vậy, kiểu pháp luật là tổng thể những dấu hiệu, đặc điểm cơ bản của pháp luật, thể hiện
bản chất giai cấp, vai trò xã hội và những điều kiện tồn tại và phát triển của pháp luật tương ứng trong một hình thái kinh tế - xã hội nhất định.

Ba kiểu pháp luật chủ nô, phong kiến, tư sản bảo vệ chế độ tư hữu và bóc lột. Còn kiểu pháp luật xã hội chủ nghĩa là kiểu pháp luật mới dựa trên nền tảng chế độ công hữu về những tư liệu sản xuất chủ yếu và nhằm từng bước hạn chế, đi đến xoá bỏ chế độ bóc lột,xây dựng một xã hội công bằng, bình đẳng, tự do, bác ái.

Khi xem xét về khái niệm kiểu pháp luật, cũng tương tự như khái niệm kiểu nhà nước, chúng ta rút ra một số kết luận sau đây:

Một là, sự thay thế các kiểu pháp luật trong lịch sử thể hiện quá trình tiến hoá của xã hội, được thực hiện thông qua các cuộc cách mạng xã hội. Kiểu pháp luật sau bao giờ cũng tiến bộ hơn kiểu pháp luật trước vì nó phản ánh một phương thức sản xuất mới tiến bộ hơn.

Hai là, ở những xã hội khác nhau, sự thay thế các kiểu pháp luật cũng diễn ra rất khác nhau. Không phải nước nào cũng trải qua bốn kiểu pháp luật như đã nêu trên. Nhiều nước trên thế giới đã không tồn tại kiểu pháp luật chủ nô, trong đó có nước ta. Ngoài ra, ở nước ta cũng chưa tồn tại kiểu pháp luật tư sản. Nước Mỹ thì hầu như không trải qua kiểu pháp *luật phong kiến*

Ba là, kiểu pháp luật sau bao giờ cũng mang tính kế thừa kiểu pháp luật trước. Tính kế thừa của các kiểu pháp luật còn sâu sắc hơn tính kế thừa của các kiểu nhà nước. Các cuộc cách mạng xã hội có thể dẫn đến kết quả "đập tan" bộ máy nhà nước cũ, nhưng khi cách mạng mới thành công, chính quyền nhà nước mới thường phải ban hành lệnh sử dụng tạm thời pháp luật của nhà nước cũ để quản lý xã hội, chỉ bãi bỏ những bộ phận pháp luật nào mâu thuẫn với lợi ích của nhà nước mới.

2. Các kiểu lịch sử cụ thể của pháp luật

2.1. Pháp luật chủ nô

Cũng như nhà nước chủ nô, pháp luật chủ nô được xây dựng trên nền tảng kinh tế - xã hội, là chế độ sở hữu tư nhân tuyệt đối của giai cấp chủ nô đối với mọi tư liệu sản xuất và của cải làm ra, sự bóc lột và đàn áp dã man của chủ nô đối với nô lệ - lực lượng lao động chủ yếu trong xã hội.

Tính giai cấp của pháp luật chủ nô thể hiện rõ rệt ở chỗ đó là pháp luật thể hiện ý chí của giai cấp chủ nô. Do đó, pháp luật chủ nô có những đặc điểm chủ yếu là:

Công khai bảo vệ và củng cố quyền tư hữu của chủ nô đối với tư liệu sản xuất và nô lệ, hợp pháp hoá chế độ bóc lộc tàn nhẫn và trắng trợn đối với nô lệ và tình trạng vô quyền của nô lệ. Nô lệ chỉ được coi như "công cụ biết nói".

Bảo vệ ách thống trị về chính trị và tư tưởng của giai cấp chủ nô, tổ chức và bảo vệ quyền lực nhà nước của giai cấp chủ nô, hợp pháp hoá sự đàn áp công khai của chủ nô đối với nô lệ.

Quy định và củng cố tình trạng bất bình đẳng trong xã hội: giữa chủ nô và các tầng lớp, giai cấp khác; giữa đàn ông và phụ nữ...

Quy định và củng cố sự thống trị tuyệt đối của người gia trưởng trong quan hệ gia đình. Về hình thức mang nặng dấu ấn của quy phạm xã hội của chế độ thị tộc - bộ lạc. Đó là tản mạn, chủ yếu sử dụng tập quán pháp và tiền lệ pháp, văn bản pháp luật xuất hiện muộn và chủ yếu là những bộ luật tổng hợp mọi lĩnh vực mà mọi chế tài đều mang tính chất hình sự; nội dung của pháp luật lạc hậu, mang đậm màu sắc tôn giáo.Tuy vậy, pháp luật chủ nô cũng đóng vai trò quan trọng trong tổ chức, quản lý xã hội và dưới góc độ này cũng đóng vai trò tích cực nhất định so với quy phạm xã hội nguyên thuỷ.

Đặc biệt ở phương Tây cổ đại đã sớm xuất hiện nhiều bộ luật quan trọng, trong đó có Bộ luật 12 bảng của nhà nước La Mã cổ đại (được ban hành khoảng thế kỷ thứ II trước Công nguyên). Đó là bộ luật đầu tiên của một xã hội sản xuất hàng hoá có ý nghĩa toàn thế giới cả về phương diện, nội dung và kỹ thuật lập pháp và còn ảnh hưởng lớn đến các hệ thống pháp luật sau này.

***Ưu điểm**

+ Đây là kiểu pháp luật đầu tiên trong lịch sử

****Nhược điểm*** +Đây là kiểu pháp luật đầu tiên nên còn nhiều hạn chế như nguồn pháp luật được lấy từ tập quán pháp

2.2 Pháp luật phong kiến

Đây là kiểu pháp luật thứ hai trong lịch sử nhân loại và hình thành cùng với sự ra đời của nhà nước phong kiến. Do tính phụ thuộc của pháp luật vào cơ sở kinh tế - xã hội của chế độ phong kiến nên pháp luật phong kiến là ý chí của giai cấp địa chủ phong kiến được đề lên thành luật mà nội dung của ý chí đó được quy định bởi điều kiện sinh hoạt vật chất của giai cấp phong kiến.

Bản chất của pháp luật phong kiến thể hiện rõ ở những đặc điểm sau:

+Bảo vệ chế độ tư hữu của giai cấp phong kiến đối với đất đai và chế độ bóc lột địa tô, bảo vệ ách thống trị về chính trị và tư tưởng của giai cấp phong kiến.

+ Bảo vệ chế độ đẳng cấp và đặc quyền của giai cấp phong kiến.

+ Hợp pháp hoá bạo lực và sự chuyên quyền tuỳ tiện của giai cấp phong kiến. Là "pháp luật quả đấm" - thừa nhận bạo lực, là phương tiện bảo vệ lợi ích và giải quyết mọi tranh chấp trong xã hội.

+ Quy định những hình phạt tàn bạo đối với những hành vi xâm phạm đến trật tự xã hội phong kiến.

+ Chịu ảnh hưởng lớn của tôn giáo và đạo đức phong kiến.

+ Là pháp luật tản mạn, không có tính thống nhất cao, tập quán pháp và tiền lệ pháp vẫn đóng vai trò chủ yếu; văn bản pháp luật xuất hiện muộn và cũng thường là những bộ luật có nội dung tổng hợp mà chế tài đều mang tính chất hình sự.

Tuy nhiên, pháp luật phong kiến cũng đóng vai trò quan trọng trong việc xác lập, ghi nhận và phát triển hệ thống quan hệ xã hội mới của hình thái kinh tế - xã hội mới tiến bộ hơn so với pháp luật chủ nô, thúc đẩy xã hội phát triển

*** Ưu điểm**

Bước đầu có sự chặt chẽ chi tiết rõ ràng hơn , nhiều bộ luật lớn được ra đời Ví dụ: Nhà nước phong kiến Việt Nam có bộ Quốc Triều hình luật (Bộ luật Hồng Đức) biên soạn năm 1483, Bộ Hoàng triều luật lệ (Luật Gia Long) biên soạn năm 1815.

Nhược điểm

Mang tính chất chung chung chưa phân rõ từng,lĩnh vực khác nhau như: hình sự, dân sự, hành chính, hôn nhân-gia đình, tố tụng, tài chính...Dựa quá nhiều vào tôn giáo , mất tính công bằng xã hội ,dã man, chưa rõ ràng bằng những văn bản quy phạm pháp luật

2.3 Pháp luật tư sản

Pháp luật tư sản là kiểu pháp luật bóc lột cuối cùng trong lịch sử hình thành cùng với sự ra đời của nhà nước tư sản. Là tấm gương phản ánh cơ sở kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa, pháp luật tư sản thể hiện ý chí của giai cấp tư sản.

Tuy không thoát ra khỏi những hạn chế của một kiểu pháp luật bóc lột, nhưng pháp luật tư sản, cả về nội dung lẫn hình thức, đã đánh dấu một bước phát triển tiến bộ vượt bậc của lịch sử nhân loại, ghi nhận kết quả một cuộc cách mạng lớn về các lĩnh vực tư tưởng tinh thần, về giá trị dân chủ, nhân văn, nhân đạo, quyền con người, về khả năng bảo đảm trật tự, ổn định xã hội, thúc đẩy xã hội phát triển với tốc độ nhanh hơn.

Bản chất của pháp luật tư sản thể hiện ở những đặc điểm sau đây:

+ Pháp luật tư sản bảo vệ chế độ tư hữu tư sản và chế độ bóc lột lao động làm thuê (bóc lột giá trị thặng dư), ghi nhận và bảo vệ sự thống trị về chính trị và tư tưởng của giai cấp tư sản.

+ Lần đầu tiên xuất hiện khái niệm "công dân" trong pháp luật và tuyên bố, quy định các quyền tự do dân chủ rộng rãi của công dân trong tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội, tự do cá nhân.

+ Tuyên bố nguyên tắc "tự do hợp đồng". Chế định hợp đồng rất phát triển, lần đầu tiên xuất hiện chế định hợp đồng lao động. Chế định công dân cùng với chế định này tạo nên bộ khung pháp lý cho xã hội dân sự, giải phóng con người, giải phóng lao động.

+ Nguyên tắc pháp chế lần đầu tiên được thể hiện trong pháp luật tư sản và đó là một điều vô cùng mới mẻ, tiến bộ, vì pháp chế là yêu cầu mọi công dân, cơ quan, tổ chức phải tuân thủ một cách nghiêm minh, bình đẳng và thống nhất đối với pháp luật. Tuy vậy, do bản chất giai cấp, pháp chế tư sản không bền vững, có thời kỳ bị khủng hoảng, bị phá vỡ, nhất là thời kỳ đế quốc chủ nghĩa và chiến tranh đế quốc. Nhưng ngày nay do những hoàn cảnh kinh tế - xã hội phát triển thuận lợi, pháp chế tư sản đang được phục hồi.

+ Về hình thức, văn bản pháp luật tư sản rất phát triển cả về nội dung và kỹ thuật lập pháp, phạm vi điều chỉnh rộng và điều chỉnh tương đối đầy đủ, chi tiết các quan hệ xã hội. Hiến pháp với tư cách là văn bản pháp luật cơ bản, đạo luật gốc của nhà nước lần đầu tiên xuất hiện từ giai đoạn đầu của nhà nước tư sản. Tiền lệ pháp cũng phát triển và bù đắp chỗ thiếu hụt cho văn bản pháp luật. Do đó, có hai hệ thống pháp luật tư sản là hệ thống pháp luật Ănglôxắcxông (coi tiền lệ pháp là nguồn quan trọng của pháp luật) và hệ thống pháp luật châu Âu lục địa (coi văn bản pháp luật quan trọng hơn và pháp luật được phân chia rõ rệt thành hai lĩnh vực công pháp và tư pháp).

***Ưu điểm**

+Mạch lạc rõ ràng ,công bằng dân chủ,đề cao quyền con người

+Phát triển toàn diện về cả hình sự dân sự trên toàn bộ các lĩnh vực

+Xây dựng các nghi viện –có quan đại diện cho nhân dân tham gia làm luật

+Trình độ lập pháp cao

***Nhược điểm**

+Pháp luật xây dựng bảo vệ giai cấp tư sản

+Còn nhiều hạn chế về dân chủ cũng như hệ thống pháp luật

2.4. Pháp luật xã hội chủ nghĩa

Đây là kiểu pháp luật cuối cùng trong lịch sử và hình thành dần cùng với sự ra đời và phát triển của nhà nước xã hội chủ nghĩa, là pháp luật kiểu mới, nội dung của nó hoàn toàn phủ nhận chế độ bóc lột, hạn chế và dần đi đến xoá bỏ chế độ tư hữu, xác lập và ngày càng phát triển quan hệ bình đẳng, tự do, dân chủ, bác ái thật sự, những quan hệ hoàn toàn mới giữa con người với con người.

Điều kiện hình thành: dựa trên cơ sở của nhà nước xã hội chủ nghĩa nhằm bảo vệ công cuộc xà hội chủ nghĩa nhàm xây dựng một nhà nước vì lợi ích của nhân dân và sự tiến bộ của nhân loại

Tính xã hội:sự điều chỉnh của pháp luật hướng tới đảm bảo lới ích của tất cả các thành viên trong xã hội .Đảm bảo sự phát triển mở cho các lĩnh vực xã hội

+Thể hiện tính nhân dân : do dân vì dân .Chính những đại biểu nhân dân tạo ra hiến pháp dựa trên ý kiến của đa số nhân dân

+Mang tính thống nhất cao hơn

+Ghi nhận và bảo vệ các quan hệ xã hội dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất

+Xâu dựng trên cơ sở đạo đức XHCN

Hình thức : các văn bản quy phạm pháp luật, tập quán pháp nguồn : cơ sở đạo dức XHCN ,tập quán ,tôn giáo

***Ưu điểm**

+Mạch lạc rõ ràng tính thống nhất cao

+Thống nhất về hệ tư tưởng ,công bằng với mọi tầng lớp

+Mang tính khách quan không bị chi phối bởi 1 tầng lớp nào trong xã hội ,ướng tới sự công bằng tuyệt đối của xã hội tương lai

***Nhược điểm**

+*Còn chụi nhiều ảnh hưởng từ cơ chế quan liêu bao cấp*

+Kinh tế xã hội luôn chậm phát triển

+Chưa có cơ sở vững chắc để thực hiện CNXH

3. Pháp luật Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Pháp luật Việt Nam kiểu mới hình thành từng bước từ sau Cách mạng Tháng Tám và ngày càng phát triển, hoàn thiện hơn cùng với sự trưởng thành của Nhà nước Việt Nam kiểu mới. Pháp luật Việt Nam là hệ thống các quy tắc xử sự do Nhà nước Việt Nam ban hành hoặc thừa nhận và bảo đảm thực hiện, thể hiện ý chí của đại đa số nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, được quy định bởi cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn mới, là công cụ chủ yếu điều chỉnh các quan hệ xã hội nhằm mục đích xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, phồn thịnh và văn minh.

Bản chất của pháp luật Việt Nam xã hội chủ nghĩa được thể hiện ở những đặc điểm sau đây:

+ Mang tính nhân dân sâu sắc, vì pháp luật Việt Nam do một nhà nước đại diện cho tuyệt đại đa số nhân dân ban hành, thể hiện ý chí, tâm tư, nguyện vọng của dân. Nhân dân có điều kiện tham gia rộng rãi vào quá trình xây dựng pháp luật. Pháp luật quy định các quyền tự do, dân chủ và đặt ra các bảo đảm cần thiết cho việc thực hiện các quyền đó, ghi nhận chủ quyền của nhân dân.

+ Khẳng định đường lối và tạo lập hành lang pháp lý cho sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể giữ vai trò nền tảng; khuyến khích các cá nhân, tổ chức nước ngoài đầu tư vào nước ta.

+ Tính cưỡng chế mang nội dung hoàn toàn khác với các kiểu pháp luật trước, nó được áp dụng vì lợi ích, nhu cầu của đại đa số, kết hợp chặt chẽ với thuyết phục, giáo dục, trên cơ sở thuyết phục.

+ Có phạm vi điều chỉnh rộng, điều chỉnh cả lĩnh vực trực tiếp tổ chức, quản lý lao động như: định mức lao động, thống kê, kiểm tra…

+ Quan hệ mật thiết với các quy phạm xã hội khác như: tập quán, đạo đức, quy phạm của các tổ chức xã hội. Pháp luật Việt Nam thể chế hoá các quy tắc đạo đức tiến bộ và truyền bá các giá trị đạo đức đó, hạn chế, loại trừ những tập tục lạc hậu; và là công cụ thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước.

+ Về hình thức, pháp luật Việt Nam phân chia thành các ngành và về nguyên tắc, chỉ có một loại nguồn là văn bản quy phạm pháp luật. Hệ thống văn bản này đang ngày càng phát triển,hoàn thiện cả về nội dung và hình thức.